

Số: 70/NQ - HĐND

Bắc Kạn, ngày 23 tháng 10 năm 2023

**NGHỊ QUYẾT**

**Về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2023 (lần 3) và điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2022 kéo dài thời gian thực hiện, giải ngân sang năm 2023 nguồn vốn ngân sách địa phương**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN  
KHOÁ X, KỲ HỌP THỨ 15 (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Xét Tờ trình số 176/TTr-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2023 (lần 3) và điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2022 kéo dài thời gian thực hiện, giải ngân sang năm 2023 - nguồn vốn ngân sách địa phương và Công văn số 7099/UBND-TH ngày 23 tháng 10 năm 2023 về việc đề nghị điều chỉnh phương án điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2023 (lần 3) nguồn vốn ngân sách địa phương; Báo cáo thẩm tra số 214/BC-HĐND ngày 18 tháng 10 năm 2023 và Báo cáo thẩm tra số 218/BC-HĐND ngày 23 tháng 10 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Điều chỉnh tổng kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn vốn ngân sách địa phương như sau:**

Tổng kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn vốn ngân sách địa phương sau điều chỉnh: 738.905 triệu đồng (*giảm 30.000 triệu đồng*). Bao gồm:

1. Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước: 461.905 triệu đồng (*giảm 30.000 triệu đồng*).
2. Nguồn thu tiền sử dụng đất: 239.200 triệu đồng.
3. Nguồn thu xổ số kiến thiết: 25.000 triệu đồng.
4. Bội chi ngân sách địa phương: 10.800 triệu đồng.
5. Chi từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi năm 2022: 2.000 triệu đồng.

*(Chi tiết tại biểu số 01 kèm theo)*

**Điều 2. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn vốn ngân sách địa phương (lần 3) như sau:**

1. Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn: 106.085 triệu đồng. Bao gồm:

- a) Giảm kế hoạch vốn của 15 dự án: 31.227 triệu đồng.
- b) Phân bổ vốn dự phòng chưa phân bổ: 44.858 triệu đồng. Bao gồm:
- Nguồn thu tiền sử dụng đất: 39.300 triệu đồng.
  - Nguồn vay lại của Chính phủ: 5.558 triệu đồng.
- c) Giảm kế hoạch vốn 01 dự án (*do giảm, hủy kế hoạch vốn*): 30.000 triệu đồng.
2. Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn: 76.085 triệu đồng. Bao gồm:
- a) Bổ sung kế hoạch vốn của 21 dự án: 76.029 triệu đồng
- b) Bổ sung vốn đối ứng Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 56 triệu đồng

(Chi tiết tại Biểu số 02 kèm theo)

**Điều 3. Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2022 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023 nguồn vốn ngân sách địa phương như sau:**

Tổng kế hoạch vốn điều chỉnh là 4.627 triệu đồng. Bao gồm:

1. Giảm kế hoạch vốn 01 dự án: 4.627 triệu đồng.
2. Bổ sung kế hoạch vốn 02 dự án: 4.627 triệu đồng.

(Chi tiết tại Biểu số 02 kèm theo)

**Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá X, kỳ họp thứ 15 (*kỳ họp chuyên đề*) thông qua ngày 23 tháng 10 năm 2023. /.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- VPCP, VPCTN;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Tài chính;
- TT Tỉnh uỷ, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Kạn;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh;
- TT Huyện (*Thành*) uỷ, HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- LĐVP;
- Các Phòng thuộc Văn phòng;
- Lưu: VT, HS.

**CHỦ TỊCH**

**Phương Thị Thanh**



**Biểu 1****ĐIỀU CHỈNH TỔNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023**

(Kèm theo Nghị quyết số: 70/NQ-HĐND ngày 23 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023 giao tại Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 09/12/2022	Điều chỉnh giảm	Kế hoạch năm 2023 sau điều chỉnh
	<b>Vốn ngân sách địa phương</b>	<b>768.905</b>	<b>30.000</b>	<b>738.905</b>
1	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	491.905	30.000	461.905
2	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	239.200		239.200
3	Xổ số kiến thiết	25.000		25.000
4	Bội chi ngân sách địa phương	10.800		10.800
5	Chi từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi năm 2022	2.000		2.000

Biểu số 02

**BIỂU ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023 (LẦN 3) VÀ KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2022 KÉO DÀI SANG NĂM 2023 - NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**

(Kèm theo Nghị quyết số: 70/NQ-HĐND ngày 23 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành		Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn trước điều chỉnh		Điều chỉnh				Kế hoạch vốn sau điều chỉnh		Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Khởi công	Hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2023	Kế hoạch vốn năm 2023	Kế hoạch vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2023		Kế hoạch năm 2023		Kế hoạch vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2023 sau điều chỉnh	KH 2023 sau điều chỉnh		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSDP			Giảm	Tăng	Giảm	Tăng				
	<b>TỔNG CỘNG</b>				3.154.947	589.841	22.926	235.415	4.627	4.627	106.085	76.085	4.627	205.415		
<b>A</b>	<b>CHI XÂY DỰNG CƠ BẢN VỐN TẬP TRUNG TRONG NƯỚC</b>				3.087.017	521.911	22.926	120.795	4.627	4.627	60.189	30.189	4.627	90.795		
	<i>Nguồn vốn ngân sách tỉnh điều hành</i>				3.087.017	521.911	22.926	120.795	4.627	4.627	60.189	30.189	4.627	90.795		
<b>I</b>	<b>Giáo dục, đào tạo</b>				26.938	9.138	-	-	-	-	-	5.500	-	5.500		
	<i>Dự án khởi công mới</i>															
1	Trường Tiểu học Hiệp Lạc, huyện Ngân Sơn	2023	2025	1782/QĐ-UBND ngày 02/10/2023	12.438	2.938						2.500		2.500	UBND huyện Ngân Sơn	
2	Dự án Xây dựng môi trường Mầm non Hà Hiệu	2023	2025	1251/QĐ-UBND ngày 07/7/2023	14.500	6.200						3.000		3.000	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
<b>II</b>	<b>Khoa học và công nghệ</b>				6.138	6.138	4.627	400	4.627	-	400	-	-	-		
	<i>Dự án chuyển tiếp, hoàn thành sau năm 2023</i>															
3	Đầu tư trang thiết bị đo lường, thử nghiệm thuộc Sở Khoa học và Công nghệ giai đoạn 2021-2025	2022	2024	330/QĐ-UBND ngày 02/3/2022	6.138	6.138	4.627	400	4.627		400				Sở Khoa học công nghệ	
<b>III</b>	<b>Văn hóa, thông tin</b>				1.586	1.586	-	-	-	-	-	90	-	90		
	<i>Dự án khởi công mới năm 2023</i>															
4	Hàng rào khu Văn hoá thể thao Tổng Địch	2023	2025		1.586	1.586						90		90	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Chuẩn bị đầu tư
<b>IV</b>	<b>Y tế, dân số và gia đình</b>				1.002.823	19.953	-	3.955	-	-	810	448	-	3.593		
	<i>Dự án quyết toán</i>															
5	Bệnh viện đa khoa Bắc Kạn	2009	2018	1047/QĐ-UBND ngày 18/5/2009; 496/QĐ-UBND ngày 22/3/2010	982.870							448		448	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
	<i>Dự án chuyển tiếp, hoàn thành năm 2023</i>															
6	Sửa chữa trung tâm y tế tuyến huyện	2021	2023	1644/QĐ-UBND ngày 6/9/2021; 1801/QĐ-UBND ngày 26/9/2022	14.950	14.950		1.152			544			608	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
7	Đầu tư thiết bị y tế phục vụ công tác chuyên môn (Máy phát tia Plasma lạnh)	2022	2022	1733/QĐ-UBND ngày 15/9/2022	1.703	1.703		503			22			481	Sở Y tế	
8	Đầu tư cải tạo, sửa chữa, nâng cấp khoa điều trị nội trú cho người bệnh thuộc diện Bảo vệ sức khỏe cán bộ tỉnh	2022	2023	1147/QĐ-UBND ngày 29/6/2022	3.300	3.300		2.300			244			2.056	Sở Y tế	
<b>V</b>	<b>Phát thanh, truyền hình</b>				23.747	23.747	2.269	4.742			2.796	-		1.946		
	<i>Dự án chuyển tiếp, hoàn thành năm 2023</i>															
9	Hoàn thiện hệ thống truyền thanh cơ sở	2021	2022	1645/QĐ-UBND ngày 6/9/2021	23.747	23.747	2.269	4.742			2.796			1.946	Sở Thông tin và Truyền thông	
<b>VI</b>	<b>Nông nghiệp, lâm nghiệp</b>				53.380	35.000	-	300	-	-	-	12.527	-	12.827		
	<i>Dự án quyết toán, dự án hoàn thành</i>															

TT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành		Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn trước điều chỉnh		Điều chỉnh				Kế hoạch vốn sau điều chỉnh		Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Khởi công	Hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2023	Kế hoạch vốn năm 2023	Kế hoạch vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2023		Kế hoạch năm 2023		Kế hoạch vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2023 sau điều chỉnh	KH 2023 sau điều chỉnh		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSDP			Giảm	Tăng	Giảm	Tăng				
10	Khắc phục khẩn cấp vùng sạt lở đất xã Cổ Linh, huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn	2020	2021	1225/QĐ-UBND ngày 03/7/2020; 2419/QĐ-UBND ngày 13/12/2021	21.800	5.000	-					167		167	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
	<i>Dự án khởi công mới năm 2023</i>													-		
11	Hỗ trợ kết cấu hạ tầng các Hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	2022	2024	821/QĐ-UBND ngày 15/5/2023	31.580	30.000	300					12.360		12.660	Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	
<b>VII</b>	<b>Cấp nước, thoát nước</b>				<b>18.229</b>	<b>0</b>	<b>0</b>					<b>154</b>		<b>154</b>		
	<i>Dự án quyết toán</i>													-		
12	Dự án Đầu tư xây dựng Hệ thống cấp, thoát nước và vệ sinh thị trấn Chợ Rã, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn (Phần thoát nước)	2008	2014	54/QĐ-UBND ngày 10/01/2008; 3528/QĐ-UBND ngày 18/11/2009	18.229							154		154	UBND thị trấn Chợ Rã	
<b>VIII</b>	<b>Giao thông</b>				<b>346.393</b>	<b>45.940</b>	<b>33.635</b>					<b>30.295</b>	<b>1.573</b>	<b>4.913</b>		
	<i>Dự án quyết toán</i>													-		
13	Tiểu dự án Giải phóng mặt bằng thuộc dự án Cải tạo, nâng cấp QL3B đoạn Xuất Hóa – Cửa khẩu Pò Mã (Km0 – Km6+600) Hàng mục: Tiểu dự án Giải phóng mặt bằng thuộc dự án Cải tạo, nâng cấp QL3B đoạn Xuất Hóa – Cửa khẩu Pò Mã (Km0 – Km6+600) (Giai đoạn 1)	2009	2016	2139/QĐ-UBND ngày 10/11/2021	157.453							223		223	Ban QLDA ĐTXD CTGT	
	<i>Dự án chuyển tiếp, hoàn thành năm 2023</i>													-		
14	Cầu Nà Mực, xã Văn Minh, huyện Na Rì	2021	2023	1638/QĐ-UBND ngày 06/9/2021	9.000	8.000	3.200					89		3.111	UBND huyện Na Rì	
15	Cống hộp bê tông cốt thép tại lý trình Km8+432 thuộc tuyến đường từ xã Lương Bằng đi Tuyên Quang	2021	2023	2176/QĐ-UBND ngày 12/11/2021	3.989	3.989	385					206		179	UBND huyện Chợ Đồn	
	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023</i>															
16	Hạ tầng kỹ thuật trung tâm thị trấn Chợ Rã, huyện Ba Bể	2022	2025	08/NQ-HĐND ngày 14/3/2023; 2470/QĐ-UBND ngày 17/12/2021; 694/QĐ-UBND ngày 19/4/2023	172.000	30.000	30.000					30.000		-	UBND huyện Ba Bể	
	<i>Dự án khởi công mới</i>													-		
17	Dự án Cầu Nà Đi, thôn Phiêng Phục, xã Hiệp Lực, huyện Ngân Sơn	2023	2025	708/QĐ-UBND ngày 24/4/2023	2.000	2.000						650		650	UBND huyện Ngân Sơn	
18	Trần liên hợp cống đường từ ĐT.251 vào khu Mỏ Lã, xã Cốc Đán, huyện Ngân Sơn	2023	2025	205/QĐ-UBND ngày 13/02/2023; 1058/QĐ-UBND ngày 16/6/2023	1.951	1.951	50					700		750	UBND huyện Ngân Sơn	
<b>IX</b>	<b>Xã hội</b>				<b>12.034</b>	<b>12.034</b>	<b>0</b>	<b>1.184</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>259</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>925</b>		
	<i>Dự án chuyển tiếp, hoàn thành năm 2023</i>															
19	Cải tạo, sửa chữa cơ sở Bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh	2021	2023	1642/QĐ-UBND ngày 6/9/2021; 1797/QĐ-UBND ngày 26/9/2022	12.034	12.034	1.184					259		925	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	



TT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành		Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn trước điều chỉnh		Điều chỉnh				Kế hoạch vốn sau điều chỉnh		Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	Ghi chú	
		Khởi công	Hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2023	Kế hoạch vốn năm 2023	Kế hoạch vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2023		Kế hoạch năm 2023		Kế hoạch vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2023 sau điều chỉnh			KH 2023 sau điều chỉnh
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSDP			Giảm	Tăng	Giảm	Tăng				
X	<b>Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước</b>				110.281	100.281	-	26.684	-	4.627	5.591	7.723	4.627	28.816		
	<i>Dự án chuyển tiếp, hoàn thành năm 2023</i>															
20	Trạm Kiểm soát liên ngành trên Quốc lộ 3 mới Chợ Mới - Thái Nguyên	2021	2023	1634/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	14.200	14.200		10.163			5.000			5.163	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
21	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp trụ sở Sở Tài nguyên và Môi trường	2021	2023	540/QĐ-UBND ngày 6/4/2022; 1644/QĐ-UBND ngày 14/9/2023	9.660	9.660		2.805		1.627		1.033	1.627	3.838	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
22	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng tỉnh	2021	2023	2171/QĐ-UBND ngày 12/11/2021; 1802/QĐ-UBND ngày 26/9/2022	3.000	3.000		101			56			45	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
23	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp trụ sở Sở Nội vụ	2021	2023	2055/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	5.300	5.300		1.026			535			491	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
	<i>Dự án chuyển tiếp, hoàn thành sau năm 2023</i>															
24	Cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất và hạ tầng kỹ thuật Tỉnh ủy Bắc Kan	2021	2025	2172/QĐ-UBND ngày 12/11/2021; 636/QĐ-UBND ngày 12/4/2023	47.000	37.000		12.089		3.000			3.000	12.089	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
	<i>Dự án khởi công mới</i>															
25	Dự án cải tạo sửa chữa trụ sở HĐND - UBND tỉnh Bắc Kan	2023	2025	1898/UBND-QĐ ngày 18/10/2023	14.975	14.975		300				2.290		2.590	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
26	Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc 4 tầng Hội LHPN tỉnh; Nhà làm việc Ban Quản lý Vườn Quốc gia Ba Bể; Nhà làm việc 3 tầng + hàng rào, cải tạo nhà để xe làm phòng làm việc Liên minh HTX tỉnh	2023	2025	1901/QĐ-UBND ngày 18/10/2023	5.387	5.387		100				1.500		1.600	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
27	Cải tạo, sửa chữa các hạng mục phụ trợ, hoàn thiện hệ thống PCCC của Sở Nông nghiệp và PTNT và các đơn vị trực thuộc	2023	2025	1912/QĐ-UBND ngày 19/10/2023	3.381	3.381		50				900		950	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
28	Cải tạo, sửa chữa, hoàn thiện hệ thống PCCC trụ sở Thanh tra tỉnh	2023	2025	1891/QĐ-UBND ngày 17/10/2023	7.378	7.378		50				2.000		2.050	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
XI	<b>Quy hoạch</b>				46.092	43.143	450	2.950	-	-	2.750	2.000	-	2.200		
29	Lập Quy hoạch tỉnh Bắc Kan thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	2021	2024	2357/QĐ-UBND ngày 26/11/2019; 2122/QĐ-UBND ngày 19/11/2020; 349/QĐ-UBND ngày 3/3/2022	39.143	39.143	450	2.950			2.750			200	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
30	Hỗ trợ cơ mục tiêu cho huyện Chợ Mới thực hiện Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Đồng Tâm	2023	2025	912/QĐ-UBND ngày 29/5/2023	6.949	4.000		-				2.000		2.000	UBND huyện Chợ Mới	
XII	<b>Đổi ứng dự án ODA</b>				1.439.376	224.951	15.580	42.795			17.288	118		25.625		
1	Dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh vùng Đông Bắc: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kan, Lạng Sơn-Tiểu dự án tỉnh Bắc Kan	2017	2023	1205/QĐ-TTg 17/8/2017; 1249/QĐ-UBND 25/8/2017; 1767/QĐ-UBND 23/10/2018	1.071.289	174.087	14.691	35.795			15.000			20.795	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
2	Dự án "Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở"- Dự án thành phần tỉnh Bắc Kan	2021	2024	481/QĐ-UBND, 29/3/2019 và 223/QĐ-UBND, 17/02/2020	153.655	32.504	889	7.000			2.288			4.712	Sở Y tế	
3	Dự án Xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương vốn vay WB (LRAMP)-Hợp phần đường			2529/QĐ-TTg, 21/12/2015; 622/QĐ-BGTVT, 02/3/2016	214.432	18.360						118		118	Sở Giao thông Vận tải	

TT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành		Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn trước điều chỉnh		Điều chỉnh				Kế hoạch vốn sau điều chỉnh		Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	Ghi chú	
		Khởi công	Hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2023	Kế hoạch vốn năm 2023	Kế hoạch vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2023		Kế hoạch năm 2023		Kế hoạch vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2023 sau điều chỉnh			KH 2023 sau điều chỉnh
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSDP			Giảm	Tăng	Giảm	Tăng				
XIII	Đổi ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi						-	4.150	-	-	-	56	-	4.206		
	Phân cấp huyện điều hành															
-	Huyện Ba Bể							1.853				24		1.877	UBND huyện Ba Bể	
-	Huyện Na Rì							2.297				32		2.329	UBND huyện Na Rì	
B	<b>ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT</b>				57.930	57.930	-	54.210	-	-	39.300	39.300	-	54.210		
	Cấp tỉnh điều hành				57.930	57.930	-	54.210	-	-	39.300	39.300	-	54.210		
	<i>Dự án khởi công mới</i>															
1	Hoàn thiện mặt bằng phần diện tích còn lại của Khu công nghiệp Thanh Bình giai đoạn I	2023	2025	1701/QĐ-UBND ngày 21/9/2023	57.930	57.930		200				39.300		39.500	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
2	Dự phòng chưa phân bổ							54.010			39.300			14.710		
C	<b>ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU XỐ SỔ KIẾN THIẾT</b>				10.000	10.000		3.913			231	231		3.913		
	<i>Dự án chuyển tiếp, hoàn thành năm 2023</i>															
1	Cải tạo, sửa chữa Trường Tiểu học Thượng Giáo, huyện Ba Bể	2021	2022	1646/QĐ-UBND ngày 6/9/2021; 1615/QĐ-UBND ngày 25/8/2022	3.000	3.000		1.081,0			231			850	UBND huyện Ba Bể	
	<i>Dự án khởi công mới năm 2023</i>															
2	Trường Mầm non Yên Dương, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kan	2023	2025	886/QĐ-UBND ngày 24/5/2023	7.000	7.000		2.832,0				231		3.063	UBND huyện Ba Bể	
D	<b>Vay lại của Chính phủ</b>							56.497	-	-	6.365	6.365	-	56.497		
1	Dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh vùng Đông Bắc: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kan, Lạng Sơn- Tiểu dự án tỉnh Bắc Kan	2017	2023	1205/QĐ-TTg 17/8/2017; Bắc Kan: 1249/ QĐ-UBND 25/8/2017; 1767/QĐ-UBND 23/10/2018; 503/QĐ-UBND ngày 29/3/2023				19.514				4.445		23.959	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
2	Dự án hỗ trợ kinh doanh cho nông hộ tỉnh Bắc Kan (CSSP)	2017	2024	1438/QĐ-UBND ngày 07/9/2016; 762/QĐ-UBND ngày 02/6/2017; 1896/QĐ-UBND ngày 21/10/2020; 1327/QĐ-UBND ngày 18/7/2022				13.500				1.920		15.420	Ban Điều phối dự án CSSP tỉnh Bắc Kan	
3	Dự án "Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở"- Dự án thành phần tỉnh Bắc Kan	2021	2024	481/QĐ-UBND ngày 29/3/2019; 223/QĐ-UBND ngày 17/02/2020				14.143			807			13.336	Sở Y tế	
4	Dự phòng chưa phân bổ							9.340			5.558			3.782		